

Số: 316/QĐ-SNN

Trà Vinh, ngày 21 tháng 7 năm 2023

**QUYẾT ĐỊNH**  
**VỀ VIỆC BAN HÀNH QUY CHẾ QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG**  
**NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “BUỒI DA XANH TRÀ VINH”**

**GIÁM ĐỐC SỞ NÔNG NGHIỆP VÀ PHÁT TRIỂN NÔNG THÔN**

Căn cứ Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 01 tháng 4 năm 2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh ban hành Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh và Quyết định số 36/2018/QĐ-UBND ngày 09/10/2018 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh, sửa đổi Khoản 2 Điều 4 của Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh ban hành kèm theo Quyết định số 11/2016/QĐ-UBND ngày 01/4/2016 của Ủy ban nhân dân tỉnh Trà Vinh;

Căn cứ Luật Sở hữu trí tuệ ngày 29/11/2005, được sửa đổi, bổ sung năm 2009, năm 2019 và năm 2022;

Theo đề nghị của Chánh Văn phòng Sở và Chi cục trưởng Chi cục Quản lý chất lượng Nông lâm sản và Thủy sản.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**Điều 1.** Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Buổi da xanh Trà Vinh” dùng cho sản phẩm buổi da xanh của tỉnh Trà Vinh.

**Điều 2.** Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày Cục Sở hữu trí tuệ ban hành Quyết định cấp Giấy chứng nhận đăng ký cho Nhãn hiệu chứng nhận “Buổi da xanh Trà Vinh”.

**Điều 3.** Chánh Văn phòng Sở, Thủ trưởng các đơn vị thuộc Sở và địa phương có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

**Nơi nhận:**

- Như Điều 3;
- UBND tỉnh (b/c);
- Sở KH và CN (p/h);
- UBND các huyện, TX, TP (p/h);
- GD; các PGD Sở;
- Lưu: VT, Hà

**KT. GIÁM ĐỐC**  
**PHÓ GIÁM ĐỐC**



Lê Văn Đông

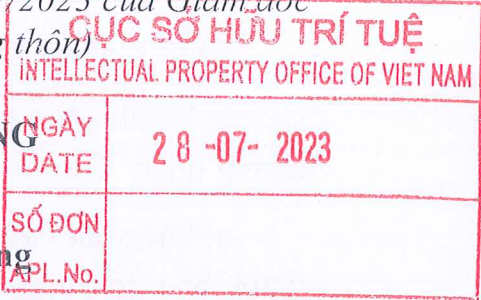




## QUY CHẾ

**Quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bưởi da xanh Trà Vinh”  
dùng cho sản phẩm bưởi da xanh của tỉnh Trà Vinh**

(Kèm theo Quyết định số 316/QĐ-SNN ngày 21/7/2023 của Giám đốc  
Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn)



### Chương I. QUY ĐỊNH CHUNG

#### Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Quy chế này quy định hoạt động quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Bưởi da xanh Trà Vinh” dùng cho sản phẩm bưởi da xanh của tỉnh Trà Vinh.

2. Đối tượng áp dụng: Quy chế này áp dụng với tổ chức quản lý nhãn hiệu chứng nhận; tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm bưởi da xanh mang nhãn hiệu chứng nhận “Bưởi da xanh Trà Vinh”.

#### Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Quy chế này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. “Nhãn hiệu chứng nhận” (NHCN): là NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh” dùng cho sản phẩm bưởi da xanh của tỉnh Trà Vinh (có mẫu nhãn hiệu đính kèm theo Quy chế này- Phụ lục I).

2. “Tổ chức quản lý NHCN” (sau đây gọi tắt là tổ chức quản lý) là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.

3. “Người sử dụng” là tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh sản phẩm bưởi da xanh được tổ chức quản lý cấp Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh”.

4. “Giấy chứng nhận quyền sử dụng NHCN” (sau đây gọi tắt là "Giấy chứng nhận") là văn bản do tổ chức quản lý cấp quyền sử dụng NHCN cho người sử dụng.

#### Điều 3. Chủ sở hữu nhãn hiệu chứng nhận

Chủ sở hữu NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh” là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh.



## Chương II NHỮNG QUY ĐỊNH CỤ THỂ



### **Điều 4. Điều kiện được cấp Giấy chứng nhận**

1. Về chủ thể: Tổ chức, cá nhân đáp ứng các điều kiện sau đây được cấp Giấy chứng nhận “Bưởi da xanh Trà Vinh”:

a) Sản xuất và kinh doanh sản phẩm bưởi da xanh trên địa bàn tỉnh Trà Vinh, thuộc bản đồ vùng sản xuất sản phẩm mang NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh” đăng ký với Cục Sở hữu trí tuệ.

b) Có hồ sơ đề nghị cấp Giấy chứng nhận theo mẫu quy định.

2. Về sản phẩm: sản phẩm bưởi da xanh đáp ứng các yêu cầu tại Bộ tiêu chí sản phẩm mang NHCN do tổ chức quản lý ban hành (đính kèm theo Quy chế này- Phụ lục II).

### **Điều 5. Sử dụng nhãn hiệu chứng nhận**

Sử dụng NHCN là việc thực hiện các hành vi sau đây:

1. Gắn, in chìm, in nổi NHCN lên hàng hóa, bao bì hàng hoá, phương tiện kinh doanh, phương tiện dịch vụ, giấy tờ giao dịch phục vụ hoạt động kinh doanh sản phẩm mang NHCN.

2. Lưu thông, quảng cáo NHCN.

3. Xuất, nhập khẩu hàng hoá mang NHCN.

### **Điều 6. Nhiệm vụ, quyền hạn của tổ chức quản lý NHCN**

1. Xây dựng, triển khai và hướng dẫn thực hiện Quy chế, Quy trình liên quan đến quản lý và sử dụng NHCN.

2. Cấp Giấy chứng nhận cho người sử dụng khi có yêu cầu; quản lý nguồn gốc, tính chất, chất lượng đặc trưng của sản phẩm mang NHCN.

3. Xây dựng kế hoạch, chương trình phát triển sản phẩm lồng ghép trong kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương.

4. Kiểm tra, xử lý những hành vi vi phạm quyền sở hữu, quyền sử dụng đối với NHCN.

5. Bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người sử dụng NHCN; tạo điều kiện để người sử dụng NHCN chia sẻ kiến thức, kỹ năng, kinh nghiệm và cơ hội đầu tư, nhằm bảo vệ và phát huy danh tiếng của sản phẩm, từng bước nâng cao

thu nhập cho người sử dụng NHCN.

### **Điều 7. Quyền của người sử dụng NHCN**

1. Được gắn NHCN lên sản phẩm, bao bì cùng với nhãn hiệu riêng của mình để phân biệt sản phẩm của mình với sản phẩm của người khác.

2. Được quyền đưa sản phẩm mang NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh” ra thị trường.

3. Khiếu nại, yêu cầu tổ chức quản lý hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền giải quyết khiếu nại khi có tranh chấp hoặc phát hiện hành vi vi phạm lợi ích của người sử dụng NHCN.

4. Tiếp thị, xây dựng và phát triển thương hiệu “Bưởi da xanh Trà Vinh” bằng các hình thức khác nhau phù hợp với quy định của pháp luật.

5. Tham gia các lớp hướng dẫn, tập huấn kỹ thuật, chuyên môn, nghiệp vụ về kỹ thuật trồng, thu hoạch và kinh doanh sản phẩm mang NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh”; được tổ chức quản lý cung cấp các thông tin về giá cả, thị trường.

### **Điều 8. Nghĩa vụ của người sử dụng NHCN**

1. Đảm bảo nguồn gốc, tiêu chí đặc trưng của sản phẩm theo Bộ tiêu chí sản phẩm mang NHCN do tổ chức quản lý ban hành.

2. Tuân thủ Quy chế quản lý và sử dụng NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh” và các quy định khác liên quan đến quản lý và sử dụng NHCN.

3. Không được chuyển giao Giấy chứng nhận cho người khác dưới bất kỳ hình thức nào.

4. Nộp các khoản phí/lệ phí theo quy định.

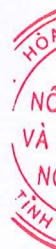
### **Điều 9. Giấy chứng nhận và cấp Giấy chứng nhận**

1. Giấy chứng nhận do tổ chức quản lý cấp cho người sử dụng có thời hạn 05 năm và có thể được gia hạn nhiều lần, mỗi lần gia hạn không quá thời hạn cấp lần đầu.

2. Tổ chức, cá nhân có nhu cầu sử dụng NHCN phải có đơn đề nghị (theo mẫu quy định) với tổ chức quản lý.

3. Chi tiết về trình tự, thủ tục, thời hạn cấp, sửa đổi, gia hạn, thu hồi Giấy chứng nhận được quy định cụ thể tại Quy trình cấp và thu hồi quyền sử dụng NHCN.

### **Điều 10. Phí, lệ phí**





1. Tổ chức quản lý được thu các loại phí sau:
  - a) Phí/lệ phí sử dụng NHCN.
  - b) Phí/lệ phí kiểm nghiệm sản phẩm để cấp Giấy chứng nhận.
  - c) Phí/lệ phí kiểm tra, kiểm nghiệm chất lượng khi có nghi vấn, tranh chấp về chất lượng sản phẩm.
2. Mức phí/lệ phí do tổ chức quản lý xây dựng chi tiết theo quy định của Nhà nước về phí/lệ phí.

### **Chương III** **KIỂM TRA, KIỂM SOÁT VÀ XỬ LÝ VI PHẠM**

#### **Điều 11. Kiểm tra, kiểm soát việc sử dụng NHCN**

Việc kiểm tra, kiểm soát nhằm đảm bảo nguồn gốc, tính chất, chất lượng đặc trưng, uy tín, danh tiếng của sản phẩm mang NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh”; bảo vệ quyền và lợi ích chính đáng của người tiêu dùng.

Nội dung kiểm tra, kiểm soát:

1. Kiểm tra, kiểm soát về nguồn gốc sản phẩm, đảm bảo sản phẩm mang NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh” phải là sản phẩm bưởi da xanh được sản xuất trong vùng bản đồ sản xuất sản phẩm mang NHCN đã xác định và được đăng ký tại Cục Sở hữu trí tuệ.
2. Kiểm tra, kiểm soát việc tuân thủ quy trình kỹ thuật sản xuất sản phẩm mang NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh”.
3. Kiểm tra, kiểm soát những tiêu chí chứng nhận của sản phẩm mang NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh”.
4. Kiểm tra, kiểm soát hoạt động cấp, thu hồi, sửa đổi, gia hạn, cấp lại Giấy chứng nhận “Bưởi da xanh Trà Vinh”.
5. Kiểm tra, kiểm soát hoạt động ghi nhãn hàng hóa theo quy định.

#### **Điều 12. Phương pháp kiểm tra đánh giá chất lượng sản phẩm**

1. Đối với đặc tính cảm quan: xác định bằng phương pháp quan sát và so sánh với những đặc tính đã được xác định tại Bộ tiêu chí sản phẩm mang NHCN.

2. Đối với các tiêu chí hóa sinh: xác định bằng phương pháp phân tích tại các cơ quan chuyên môn có đủ điều kiện và so sánh kết quả kiểm nghiệm với Bộ tiêu chí sản phẩm mang NHCN do Tổ chức chứng nhận ban hành.

3. Đối với các trường hợp có nghi ngờ về chất lượng sản phẩm, hoặc có tranh chấp liên quan tới chất lượng sản phẩm xảy ra: Tổ chức chứng nhận sẽ xác định bằng cách thực hiện đầy đủ cả đánh giá cảm quan và phân tích hóa sinh. Các trường hợp còn lại (trừ trường hợp kiểm tra đề cấp Giấy chứng nhận lần đầu) chỉ tiến hành đánh giá cảm quan và căn cứ trên kết quả công bố của tổ chức, cá nhân sản xuất và kinh doanh bưởi da xanh của tỉnh Trà Vinh.

### **Điều 13. Hành vi vi phạm**

Những hành vi sau đây bị coi là hành vi vi phạm Quy chế quản lý và sử dụng NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh”:

1. Sản phẩm có ít nhất một tiêu chí không đạt yêu cầu theo quy định của Bộ tiêu chí sản phẩm mang NHCN do tổ chức quản lý ban hành.

2. Sử dụng NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh” cho sản phẩm của người sản xuất và kinh doanh không có Giấy chứng nhận.

3. Thêm hoặc bớt các yếu tố trên nhãn hiệu làm sai lệch NHCN.

4. Giới thiệu, quảng bá sai sự thật về NHCN.

5. Chuyển nhượng, chuyển giao Giấy chứng nhận cho người khác.

6. Làm giả Giấy chứng nhận.

Những hành vi sau đây không bị coi là hành vi vi phạm:

1. Sử dụng NHCN không nhằm mục đích kinh doanh, không làm ảnh hưởng xấu đến hình ảnh, uy tín của NHCN.

2. Sử dụng NHCN gắn trên các sản phẩm được phân chia từ lô lớn được mang NHCN (nhưng vẫn đảm bảo các tiêu chí theo quy định của Bộ tiêu chí do Tổ chức chứng nhận ban hành).

### **Điều 14. Nguyên tắc, chế tài xử lý vi phạm**

1. Mọi hành vi vi phạm Quy chế này và pháp luật về sở hữu trí tuệ đều phải được xử lý nghiêm khắc, kịp thời.

2. Tùy theo tính chất, mức độ vi phạm, người vi phạm có thể bị xử lý bằng một trong các hình thức sau:

a) Khiển trách;

X.  
S  
VG  
HÁ  
NG  
TR



- b) Cảnh cáo;
- c) Đình chỉ có thời hạn (từ 6 tháng đến 24 tháng), tước vĩnh viễn quyền sử dụng NHCN;
- d) Xử lý vi phạm hành chính theo quy định của pháp luật.

#### **Điều 15. Giải quyết khiếu nại, tố cáo**

1. Tổ chức quản lý có trách nhiệm tiếp nhận và giải quyết mọi khiếu nại, tố cáo của người sử dụng NHCN hoặc các tổ chức, hộ gia đình, cá nhân liên quan đến NHCN.

2. Trình tự, thủ tục giải quyết khiếu nại, tố cáo liên quan đến NHCN thực hiện theo quy định của pháp luật về khiếu nại, tố cáo.

### **Chương IV ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH**

#### **Điều 16. Tổ chức thực hiện**

1. Trong quá trình thực hiện quản lý NHCN, Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn tỉnh Trà Vinh có thể ủy quyền bằng văn bản cho tổ chức, đơn vị trực thuộc có chức năng thực hiện quản lý NHCN “Bưởi da xanh Trà Vinh” theo quy định của pháp luật sở hữu trí tuệ và các quy định pháp luật có liên quan.

2. Trong quá trình thực hiện Quy chế, nếu có khó khăn, vướng mắc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân phản ánh kịp thời đến Cơ quan quản lý NHCN để xem xét, điều chỉnh, bổ sung Quy chế cho phù hợp.

#### **Điều 17. Hiệu lực thi hành**

Quy chế này có hiệu lực thi hành theo Quyết định ban hành./.



Phụ lục 1



**MẪU NHÃN HIỆU CHỨNG NHẬN “BƯỞI DA XANH TRÀ VINH”**



C.7  
SH  
TR  
HỒ  
V







## Phụ lục II

### TIÊU CHÍ SẢN PHẨM MANG NHÃN “BUỔI DA XANH TRÀ VINH”

(Kèm theo Quy chế Quản lý và sử dụng nhãn hiệu chứng nhận “Buổi da xanh Trà Vinh” dùng cho sản phẩm buổi da xanh của tỉnh Trà Vinh)

CỤC SỞ HỮU TRÍ TUỆ  
INTELLECTUAL PROPERTY OFFICE OF VIET NAM

NGÀY  
DATE

28-07-2023

SỐ ĐƠN  
APP. No.

“Buổi da xanh Trà Vinh”

Sản phẩm buổi da xanh mang nhãn hiệu chứng nhận “Buổi da xanh Trà Vinh” là sản phẩm buổi da xanh được sản xuất trên địa bàn các huyện, thành phố thuộc Bản đồ địa lý vùng sản xuất sản phẩm mang nhãn hiệu chứng nhận “Buổi da xanh Trà Vinh”.

#### 2. Tiêu chí về cảm quan

**Trạng thái:** nguyên quả; rắn chắc.

**Hình dáng:** hình cầu hoặc tựa bầu hồ lô.

**Kích thước:** đường kính  $\geq 10\text{cm}$ .

**Vỏ quả:**

- Vỏ màu xanh ánh vàng; lạnh lặn, không bị thối hỏng hoặc dập nát đến mức không phù hợp để sử dụng;
- Sạch, không có tạp chất lạ nhìn thấy bằng mắt thường;
- Không có vết thâm, không bị sinh vật hại gây ảnh hưởng đến hình thức bên ngoài của sản phẩm.

**Trọng lượng:**  $\geq 400\text{g/quả}$ .

**Múi buổi:** to đều, mọng nước, tép buổi màu hồng đào; tỷ lệ thịt/quả  $> 50\%$ .

**Mùi:** Mùi thơm đặc trưng của sản phẩm, không có mùi lạ do dùng các chất hóa bảo vệ thực vật.

**Vị:** ngọt dịu không chua.

#### 3. Tiêu chí về chất lượng sản phẩm

**Thành phần dinh dưỡng**

- Hàm lượng chất rắn hòa tan:  $\geq 16\text{g}/100\text{g}$
- Hàm lượng Axit hữu cơ  $\leq 6\text{g}/100\text{g}$
- Hàm lượng đường khử  $\geq 0,2\text{g}/100\text{g}$
- Hàm lượng Vitamin C (Acid ascorbic)  $\geq 69\text{g}/100\text{g}$
- Hàm lượng đường tổng số  $\geq 14\text{g}/100\text{g}$ .

**Chỉ tiêu về vệ sinh an toàn thực phẩm, giới hạn kim loại nặng:** Đảm bảo tuân thủ các quy định hiện hành./.



